

Số: 805/QĐ-UBND

Mù Cang Chải, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung
xây dựng xã Mồ Dề, huyện Mù Cang Chải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Chủ tịch Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc Hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4118:2012 Công trình thủy lợi - hệ

thống tưới tiêu - yêu cầu thiết kế;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch hướng dẫn thực hiện tiêu chí 06 về Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đề án xây dựng huyện Mộ Cang Chải trở thành huyện du lịch giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 25/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mộ Cang Chải về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Mộ Dề, huyện Mộ Cang Chải;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã Mộ Dề về việc chỉ định thầu đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mộ Dề, huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã Mộ Dề về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mộ Dề, huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 53/BC-KTHT ngày 30/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mộ Dề, huyện Mộ Cang Chải với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mồ Dề, huyện Mù Cang Chải.

b) Vị trí, phạm vi ranh giới: Xã Mồ Dề có vị trí nằm ở phía Bắc huyện Mù Cang Chải, có vị trí địa lý hành chính như sau:

- Phía Đông giáp xã Chế Cu Nha, huyện Mù Cang Chải;
- Phía Tây giáp xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải;
- Phía Nam giáp thị trấn Mù Cang Chải và xã Kim Nội, huyện Mù Cang Chải;
- Phía Bắc giáp xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai.

c) Quy mô lập quy hoạch: Quy mô nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi địa giới hành chính xã Mồ Dề, cụ thể:

- Diện tích đất tự nhiên: 6.470,09ha.
- Quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 5.291 người.

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mù Cang Chải lần thứ XIX về định hướng phát triển kinh tế xã - hội giai đoạn 2020 - 2025 của huyện Mù Cang Chải; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Mồ Dề lần thứ V nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Rà soát, khớp nối quy hoạch cấp trên, quy hoạch chuyên ngành, các dự án trên địa bàn xã, chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Chính phủ, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mù Cang Chải, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng huyện Mù Cang Chải; đảm bảo đầy đủ các tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Xây dựng phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề; quy hoạch tổ chức không gian mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã, định hướng quy hoạch trung tâm xã, quy hoạch chỉnh trang khu dân cư hiện có, mặt bằng khu dân cư mới; quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn với đô thị.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

b) Tính chất, chức năng của xã: Là vùng động lực kinh tế nông - lâm nghiệp đặc sản phía Đông Bắc của huyện Mù Cang Chải.

- Xã Mồ Dề nằm tiếp giáp với thị trấn Mù Cang Chải, cách thị trấn 3,5km, các bản đều có đường giao thông liên thông với thị trấn nên thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa. Phát triển một số ngành nghề truyền thống như: Rèn, đúc, chế tạo khèn,...

- Đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với Danh thắng Quốc gia đặc biệt Danh lam thắng cảnh ruộng bậc thang Mù Cang Chải; xây dựng và phát triển các Tour du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn Khu tham quan du lịch gắn với bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn xã Mồ Dề.

- Tập trung phát triển nông nghiệp, trọng tâm là chuyển đổi sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế hộ gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hiệu quả, bền vững gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên, chủ động phòng chống thiên tai; phòng cháy, chữa cháy rừng...

3. Tiên đề, quy mô quy hoạch:

a) Quy mô dân số:

- Hiện trạng: 4.795 người;

- Đến năm 2030: 5.291 người.

b) Quy mô và cơ cấu lao động:

- Hiện trạng: 2.490 người.

- Đến năm 2030: khoảng 2.804 người.

c) Quy mô đất đai chủ yếu:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Hiện trạng 2021 (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)
Tổng diện tích tự nhiên		6.470,09	6.470,09
1	Nhóm đất nông nghiệp	6.276,37	6.196,71
2	Đất xây dựng	78,79	205,02
3	Đất khác	114,93	67,36

d) Quy mô xây dựng:

Các chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu hạ tầng, kỹ thuật đảm bảo tuân thủ theo:

- Bộ tiêu chí nông thôn mới đã được ban hành.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.

4. Yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Hiện trạng (m ² /người)	Năm 2030 (m ² /người)
I	Đất ở điểm dân cư	41,54	140,09

STT	Loại đất	Hiện trạng (m ² /người)	Năm 2030 (m ² /người)
II	Đất công cộng	3,77	32,11
III	Đất cây xanh, thể dục, thể thao		1,32
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	118,98	174,07

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu hạ tầng, kỹ thuật đảm bảo tuân thủ theo: Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN01: 2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.

5. Quy hoạch sử dụng đất: Các định hướng quy hoạch sử dụng đất của xã được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu.

- Khai thác tối đa hiệu quả sử dụng đất.
- Tận dụng tối đa đất chưa sử dụng, đất xen kẹt, đất sản xuất hiệu quả thấp sang đất phi nông nghiệp hiệu quả cao hơn.
- Quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn (theo bảng sau):

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến 2025		Quy hoạch đến 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	6.470,09	100,00	6.469,09	100,00	6.469,09	100,00
1	Đất nông nghiệp	6.276,37	97,01	6.233,94	96,37	6.196,71	95,79
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	619,25	9,57	648,49	10,02	594,8	9,19
1.2	Đất lâm nghiệp	5.656,96	87,43	5.584,68	86,33	5.601,19	86,58
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,17	0,003	0,77	0,01	0,72	0,01
2	Đất xây dựng	78,79	1,22	127,49	1,97	205,02	3,17
2.1	Đất ở	19,92	0,31	22,44	0,35	74,12	1,15
2.2	Đất công cộng	1,81	0,03	5,99	0,09	16,99	0,26
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao			0,70	0,01	0,70	0,01
2.4	Đất xây dựng các chức năng khác			9,94	0,15	20,66	0,32
2.5	Đất hạ tầng kỹ thuật	57,05	0,88	87,97	1,36	92,10	1,42
-	Đất giao thông	25,89	0,40	49,75	0,77	52,89	0,82
-	Đất xử lý chất thải rắn			1,90	0,03	1,90	0,03
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,45	0,05	7,30	0,11	8,29	0,13
-	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	27,71	0,43	29,02	0,45	29,02	0,45
2.6	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,01	0,00	0,38	0,01	0,38	0,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến 2025		Quy hoạch đến 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.7	Đất quốc phòng, an ninh			0,07	0,001	0,07	0,001
3	Đất khác	114,93	1,78	107,66	1,66	67,36	1,04
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	28,44	0,44	28,44	0,44	28,44	0,44
3.2	Đất chưa sử dụng	86,49	1,34	79,22	1,22	38,92	0,60

6. Định hướng không gian tổng thể xã

6.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Trung tâm xã Mồ Dề nằm tại khu vực bản Nả Háng, diện tích 40,00ha. Trung tâm xã có kinh tế khá phát triển, giao thông đi lại thuận lợi, liên hệ thuận tiện với khu trung tâm các xã lân cận. Là trung tâm hành chính, văn hóa với các tiện nghi về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật kết hợp khu ở gắn với dịch vụ thương mại.

- Trung tâm xã Mồ Dề có vị trí như sau:

- + Phía Đông: Giáp rừng sản xuất và khu sản xuất nông nghiệp bản Nả Háng;
- + Phía Tây: Giáp rừng sản xuất;
- + Phía Nam: Giáp rừng sản xuất và khu sản xuất nông nghiệp bản Nả Háng;
- + Phía Bắc: Giáp rừng sản xuất.

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

a) Trụ sở cơ quan:

Giữ nguyên vị trí hiện trạng, giảm 100m² đất trụ sở sang xây dựng trụ sở Công an xã. Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã sau khi giảm diện tích còn lại 1.306,0m². Trong thời gian tới tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu làm việc của các ban, ngành, đoàn thể của xã.

b) Trụ sở Công an, Quân sự xã:

- Trụ sở Công an xã: Xây dựng tại bản Nả Háng với diện tích 0,03ha. Xây dựng đầy đủ các hạng mục cho Công an xã hoạt động.

- Doanh trại Công an xã: Xây dựng mới doanh trại làm việc của Công an xã 0,04ha tại bản Nả Háng. Định hướng xây dựng đầy đủ các hạng mục cho Công an xã hoạt động.

- Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã: Vị trí xây dựng mới tại bản Nả Háng với diện tích 0,07ha. Định hướng xây dựng đầy đủ các hạng mục cho Ban chỉ huy Quân sự xã hoạt động.

c) Trạm y tế:

Giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng 1.767m² trạm y tế xã tại bản Nả

Háng. Với cơ sở vật chất hiện tại trạm y tế về cơ bản đã cơ bản phục vụ tốt việc khám chữa bệnh của bà con ở cấp địa phương, tuy nhiên trong thời gian tới vẫn cần phải nâng cấp cơ sở vật chất cũng như phòng, khám chữa bệnh với đầy đủ tiện nghi và hiện đại hơn.

d) Bưu điện:

Do không có khả năng mở rộng, nên xã vẫn giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng 80m² bưu điện xã tại bản Nả Háng. Trong thời gian tới cần xây dựng mới bưu điện và đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu của người dân.

e) Trường học:

* Trường mầm non của xã Mồ Dề đều chưa đạt chuẩn quốc gia vì vậy trong thời gian tới cần xây dựng thêm các phòng chức năng; bổ sung trang thiết bị giảng dạy và học tập cho từng điểm trường. Cụ thể:

- Xây dựng mới trường mầm non Mồ Dề tại bản Nả Háng với diện tích 1,00ha. Xây dựng đầy đủ phòng học; các phòng chức năng và các công trình phụ trợ. Mua sắm đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

- Đối với điểm trường mầm non Mồ Dề cũ tại bản Nả Háng với diện tích 895m² sẽ chuyển sang xây dựng nhà văn hóa xã Mồ Dề.

- Trường mầm non Mồ Dề (điểm trường lẻ) tại bản Mồ Dề: Giữ nguyên vị trí với diện tích hiện trạng là 1.087,3m². Trong giai đoạn tới cần bổ sung mua sắm trang bị thêm đồ dùng học tập và đồ chơi, bàn ghế cho học sinh.

- Trường mầm non Mồ Dề (điểm trường lẻ) tại bản Mý Háng: Giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng là 510,8m². Trong giai đoạn tới cần mua sắm bổ sung trang bị thêm đồ dùng học tập và đồ chơi, bàn ghế cho học sinh.

- Trường mầm non Mồ Dề (điểm trường lẻ) tại bản Sáng Nhù: Giữ nguyên vị trí và mở rộng thêm 300m² lấy từ nhà văn hóa bản Sáng Nhù. Diện tích trường sau khi mở rộng là 701,3m². Trong thời gian tới mua sắm bổ sung trang bị thêm đồ dùng học tập và đồ chơi, bàn ghế cho học sinh.

- Trường mầm non Mồ Dề (điểm trường lẻ) tại bản Màng Mủ: Giữ nguyên vị trí với diện tích hiện trạng là 940m². Trong thời gian tới mua sắm bổ sung trang bị thêm đồ dùng học tập và đồ chơi, bàn ghế cho học sinh.

- Trường mầm non Mồ Dề (điểm trường lẻ) tại bản Háng Phù Loa: Giữ nguyên vị trí với diện tích hiện trạng là 690m². Trong thời gian tới mua sắm bổ sung trang bị thêm đồ dùng học tập và đồ chơi, bàn ghế cho học sinh.

*** Trường PTDTBT TH&THCS**

Giai đoạn 2021-2030, dự kiến sẽ tách trường PTDTBT TH&THCS Mồ

Dề thành trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở độc lập.

- Trường PTDTBT TH Mồ Dề giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 8.171,7m², đồng thời tu sửa, xây mới cơ sở vật chất các phòng hành chính quản trị, phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập và các công trình phụ trợ khác.

- Trường PTDTBT THCS Mồ Dề: Xây dựng trường PTDTBT THCS Mồ Dề tại bản Nả Háng với diện tích 2,71ha. Xây dựng đầy đủ các hạng mục của trường như phòng học; phòng bộ môn; khối phòng hành chính quản trị; khối phòng hỗ trợ học tập; khối bán trú; khối công trình phụ trợ và mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập.

g) Trung tâm văn hóa thể thao

* Trung tâm văn hóa thể thao xã:

- Nhà văn hóa xã: Xây dựng mới nhà văn hóa xã tại bản Nả Háng diện tích 0,09ha. Xây dựng đầy đủ các hạng mục và mua sắm đầy đủ các trang thiết bị để nhà văn hóa hoạt động.

- Khu thể thao xã: Xây dựng khu thể thao xã tại bản Nả Háng với diện tích 0,10ha. Xây dựng đầy đủ các hạng mục và mua sắm đầy đủ các trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu của người dân.

* Trung tâm văn hóa thể thao bản:

- Bản Nả Háng:

+ Nhà văn hóa bản: Giữ nguyên vị trí, mở rộng thêm 0,05ha. Diện tích nhà văn hóa bản sau khi mở rộng là 0,08ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân.

+ Khu thể thao bản: Mọi hoạt động thể thao bản được diễn ra tại khu thể thao xã Mồ Dề.

- Bản Màng Mủ:

+ Nhà văn hóa bản: Xây mới nhà văn hóa bản Màng Mủ với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân. Nhà văn hóa bản cũ chuyển sang đất chức năng khác.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

- Bản Sáng Nhù:

+ Nhà văn hóa bản: Xây mới nhà văn hóa bản Sáng Nhù với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân. Nhà văn hóa bản cũ chuyển sang mở rộng điểm trường mầm non bản Sáng Nhù.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10 ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

- Bản Háng Sung:

+ Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng 271m² nhà văn hóa bản Háng Sung. Nâng cấp và trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của người dân.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

- Bản Mồ Dề:

+ Nhà văn hóa bản: Xây mới nhà văn hóa bản Mồ Dề với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

- Bản Mý Háng:

+ Nhà văn hóa bản: Xây mới nhà văn hóa bản Mý Háng với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân. Nhà văn hóa bản cũ chuyển sang đất chức năng khác.

+ Khu thể thao bản: Mọi hoạt động thể thao bản được diễn ra tại khu thể thao sân thể thao xã Mồ Dề.

- Bản Cung 11:

+ Nhà văn hóa bản: Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa bản Cung 11 với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

- Bản Háng Phù Loa:

+ Nhà văn hóa bản: Xây mới nhà văn hóa bản Háng Phù Loa với diện tích 0,05ha, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của nhân dân. Nhà văn hóa bản cũ chuyển sang đất chức năng khác.

+ Khu thể thao bản: Xây dựng khu thể thao bản với diện tích 0,10ha. Đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu thể dục - thể thao của người dân.

6.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và khu dân cư cũ

- Đối với mạng lưới điểm dân cư hiện trạng: Đối với các điểm dân cư hiện có tiếp tục duy trì, bố trí xem ghép thêm ở những diện tích có điều kiện và cải tạo chỉnh trang cơ sở hạ tầng kỹ thuật như: Mở rộng đường giao thông nội bản,

cải tạo và xây dựng mới rãnh, cống thoát nước, cải tạo đường điện, xây dựng hệ thống cấp nước tập trung nhằm phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của nhân dân...

- Đối với điểm quy hoạch dân cư mới:

+ Quy hoạch điểm dân cư nông thôn phải dựa trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ), đồng thời phục vụ thiết thực cho kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương;

+ Quy hoạch điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành khác như quy hoạch giao thông, thủy lợi, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và phải xem xét với các điểm dân cư lân cận;

+ Quy hoạch điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo phòng chống thiên tai, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường;

+ Quy hoạch điểm dân cư cần xem xét đến triển vọng phát triển tương lai, phải đáp ứng được các yêu cầu sản xuất và đời sống trong giai đoạn trước mắt, đồng thời phải có phương hướng kế hoạch dài hạn;

+ Quy hoạch đất ở mới:

TT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Đất ở nông thôn Đờ Lòng Có, bản Mồ Dề	Bản Mồ Dề	8,40
2	Đất ở nông thôn Pù Zâu Mé Ché	Bản Háng Phù Loa	3,40
3	Đất ở nông thôn Su Tua Nhù	Bản Háng Phù Loa	1,20
4	Đất ở nông thôn Trống Dò Rùa	Bản Nả Háng	2,00
5	Đất ở nông thôn Pàng Tủa Cua Ché	Bản Mỹ Háng	1,00
6	Đất ở nông thôn Trống Chờ Vàng	Bản Sáng Nhù	1,60
7	Đất ở nông thôn Trống Mang	Bản Sáng Nhù	3,30
8	Đất ở nông thôn Pàng Hớ Pù Xà Dang	Bản Sáng Nhù	6,00
9	Đất ở nông thôn Chờ Giàng Háng Tê	Bản Màng Mủ	5,00
10	Đất ở nông thôn Trống Pàng Hớ	Bản Nả Háng	10,00
11	Đất ở nông thôn Đờ Đúa Ninh	Bản Nả Háng	2,00
12	Đất ở nông thôn khu Hạt Bày	Bản Háng Sung	2,00
13	Đất ở nông thôn khu Vàng Nhà Trống Là	Bản Háng Sung	1,00
14	Đất ở nông thôn bản Cung 11	Bản Cung 11	3,00
15	Khu đất ở mới	Bản Sáng Nhù	2,80
16	Chuyển mục đích trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn		1,50

6.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại-dịch vụ, nông nghiệp

a) Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp: Đến năm 2030, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã là 635,73ha. Trong đó: Xác định cây lúa là cây lương thực chính của xã. Việc bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa sẽ góp đảm bảo an ninh lương thực của người dân, đồng thời bảo tồn di tích quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang Mù Cang Chải. Hoạt động bảo tồn cảnh quan ruộng bậc thang phải song hành với các chương trình hỗ trợ nông nghiệp để bảo tồn kỹ thuật xây dựng, kinh nghiệm dân gian trong canh tác, trị thủy và quản lý nước. Không gian ruộng bậc thang phải được nghiên cứu trong một tổng thể thống nhất với nguồn nước tự nhiên ở các đỉnh núi cũng như không gian làng bản, trên cơ sở đó đề xuất các chiến lược, mô hình quản lý và khai thác nguồn nước hiệu quả, cân bằng cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất và điều tiết lũ. Khuyến khích trồng các giống lúa ưa đất đòi cao, chịu hạn, chịu lạnh thích ứng với biên độ thời tiết lớn. Khuyến khích trồng các loại cây chuyên đề hoặc trồng đồng bộ một loại cây trên một phạm vi diện tích để đạt được cùng thời điểm thu hoạch với hiệu quả thẩm mỹ cao. Đến năm 2030, diện tích đất trồng lúa của xã là 413,25ha. Đất trồng cây hàng năm khác là 191,03ha; đất trồng cây lâu năm 31,45ha.

- Quy hoạch phát triển lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2030 là 5.601,19ha. Trong đó diện tích đất rừng phòng hộ là 3.447,26ha, đất rừng sản xuất là 2.153,93ha. Làm tốt công quy hoạch và quản lý quy hoạch nhất là các dự án phát triển kinh tế, xã hội có ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng như dự án thủy điện...; ưu tiên phát triển các dự án du lịch xanh, du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường...; khuyến khích các dự án sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, các dự án trồng rừng, trồng cây dược liệu vừa góp phần phát triển kinh tế tạo thu nhập cho người dân vừa bảo vệ, phát triển được diện tích rừng hiện có. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất rừng, phá rừng...

- Quy hoạch khu trồng cây dược liệu: Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cây dược liệu: Các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp... liên doanh, liên kết đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dược liệu trên địa bàn huyện. Khuyến khích các hộ nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ những cây trồng sản xuất không hiệu quả sang mô hình trồng dược liệu hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thị trường, tận dụng diện tích dưới tán rừng để trồng các loại cây dược liệu. Quy hoạch khu phát triển mô hình trồng cây dược liệu với diện tích 329,7ha.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi theo hướng gia trại chăn nuôi là chính gắn với đồi, vườn rừng, gắn với cơ chế thị trường, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát huy hình thức kinh tế hộ gia đình, phân đầu tăng quy mô gia súc, gia cầm ở các hộ, nhóm hộ gia đình kinh doanh chăn nuôi.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy mô nông hộ và kết hợp mô hình trang trại, dựa trên diện tích ao, hồ chứa nước có sẵn và các vùng trũng. Theo định hướng đến năm 2030 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 0,72ha, trong đó có nuôi cá sạch tại bản Bản Háng Phù Loa với diện tích 0,30ha.

b) Quy hoạch cơ sở sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ

- Cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công: Phát triển một số ngành nghề truyền thống như: Rèn, đúc, chế tạo khèn, thêu dệt thổ cẩm...

- Thương mại dịch vụ: Quy hoạch các loại hình dịch vụ để thúc đẩy kinh tế địa phương kết hợp với du lịch sinh thái cụ thể:

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Khu du lịch sinh thái suối Nậm Kim	Bản Cung 11	9,79
2	Khu tham quan du lịch gắn với bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn huyện Mường Chải, tại thác Mơ	Bản Nả Háng	1,00
3	Đất dịch vụ du lịch, điểm trực cháy	Bản Sáng Nhù, Màng Mủ	0,70
4	Đất dịch vụ du lịch Nữ Lâu Trống Là	Bản Màng Mủ	0,20
5	Đất dịch vụ du lịch Trống Nhà Súa Là	Bản Màng Mủ	1,20
6	Du lịch Thác Pàng Giàng	Bản Nả Háng	0,50
7	Du lịch Thác Pàng Sớ Đình	Bản Nả Háng	0,50
8	Du lịch Thác Súa Sa Là	Bản Nả Háng	0,50
9	Đất dịch vụ du lịch khu Trông Bla Sớ Cầu Ché	Bản Háng Sung	3,00
10	Đất dịch vụ du lịch khu hạt 7	Bản Háng Sung	1,00
11	Khu dịch vụ du lịch	Bản Nả Háng	11,68
12	Khu du lịch đồi Móng Ngựa	Bản Sáng Nhù	0,72
13	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	Bản Sáng Nhù	5,50
14	Khu lưu trú khách sạn TT Mường Chải	Bản Cung 11	2,70
15	Mô đất đắp	Bản Cung 11	1,00

6.5. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

* Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quy hoạch bãi đỗ xe với diện tích 0,50 ha.

+ Quốc lộ 32: Khắc phục điểm đen giao thông Km299, đồng thời giai đoạn tới cần cải tạo, nâng cấp đường đạt cấp III miền núi.

+ Đường huyện QL32 - Mồ Dề có tổng chiều dài 3,2 km. Trong giai đoạn

tới cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đoạn từ ranh giới xã Mô Dề giáp với Thị trấn Mù Cang Chải đến trường PTDTBT TH và THCS xã Mô Dề chiều rộng nền đường 13,5m, rộng mặt đường 7,5m.

- Giao thông đối nội:

+ Đường xã:

Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ ngã ba đến hết trạm y tế xã chiều rộng nền đường 13,5m rộng mặt đường 7,5m;

Cải tạo, nâng cấp đường từ Ché Cu Nha đi Khao Mang qua địa bàn xã dài 19,6km, mặt đường rộng từ 3,5m, nền đường rộng từ 6,5m.

+ Đường bản: Mở rộng và bê tông hóa 04 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài với tổng chiều dài 11,4km, đảm bảo mặt đường rộng từ 3,0m, nền đường rộng từ 2m.

+ Đường ngõ xóm: Mở rộng và bê tông hóa 06 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 13,8 km, đảm bảo mặt đường rộng từ 3,0 m, nền đường rộng từ 2 m.

- Cầu: Trong giai đoạn tới cần cứng hóa cầu cứng bản Nả Háng; Cầu cứng bản Mý Háng đi bản Sáng Nhù.

* Thủy lợi:

Hệ thống kênh mương: Kiên cố hóa 52,12 km kênh mương chưa được kiên cố trên địa bàn xã, đồng thời xây dựng mới 2 dự án:

- Mở mới thủy lợi Đờ Đàn Làng bản Nả Háng + Mý Háng diện tích 0,80 ha.

- Mở mới thủy lợi Móng Ngựa 2 bản Mý Háng + Sáng Nhù diện tích 0,50 ha.

* Cấp điện:

- Hệ thống điện vẫn giữ nguyên hiện trạng cấp điện đi trên các cột và chủ yếu bám theo trục đường không cắt chéo qua các khu dân cư, khu công cộng, đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

- Cải tạo, nâng công suất 5 trạm biến áp hiện trạng và xây dựng mới 03 trạm biến áp tại các bản.

STT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Thông số	Công suất (kVA)	Công suất (kVA)	Định hướng
1	TBA Mô Dề	35/0,4	50	100	Nâng cấp, cải tạo
2	TBA Ủy Ban Mô Dề	35/0,4	75	100	Nâng cấp, cải tạo
3	TBA Màng Mù A	35/0,4	75	100	Nâng cấp, cải tạo
4	TBA Mý Háng	35/0,4	50	100	Nâng cấp, cải tạo
5	TBA Hạt 7	35/0,4	50	100	Nâng cấp, cải tạo
6	TBA bản Sáng Nhù	35/0,4		150	Xây mới
7	TBA bản Háng Phù Loa	35/0,4		150	Xây mới
8	TBA bản Háng Sung	35/0,4		200	Xây mới
Tổng công suất			300	1.000	

- Hoàn thành dự án cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo cung cấp đầy đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, cụ thể:

+ Đường điện đến bản Háng Phù Loa 2km;

+ Đường điện đến bản Sáng Nhù 2km;

- + Đường điện đến bản Háng Sung 1,7km.
- + Đất công trình trạm biến áp: TBA phân phối 0,06ha.
- + Đất công trình đường dây tải điện: Đường dây trung áp - đường trục 0,02 ha.
- + Đất công trình đường dây tải điện: Đường dây trung áp - đường nhánh 0,06 ha.
- + Phân phối hiệu quả - DEP giai đoạn 1 tỉnh Yên Bái 0,01 ha.
- + Xây dựng và cải tạo tuyến lưới điện trung, hạ áp tỉnh Yên Bái 0,01 ha
- + Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014-2025: 0,35 ha.

* Cấp nước: Duy trì và cải tạo các công trình cấp nước hiện có đảm bảo cung cấp nước cho các khu dân cư. Những cụm dân cư ở xa trung tâm xã, những khu khó khăn về nguồn nước: Lợi dụng thiên nhiên, nguồn nước sẵn có xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, bể nước, đào giếng... hoặc chứa nước mưa trong các bể chứa nước...

* Quy hoạch thoát nước:

- Thoát nước mưa: Dự kiến xây dựng hệ thống cống thoát chung giữa nước mưa và nước thải với chế độ tự chảy. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, nước thải sẽ xử lý riêng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thoát vào hệ thống cống chung.

+ Lưu vực và hướng thoát: Phân chia lưu vực thoát nước theo dạng phân tán, tôn trọng hướng thoát theo địa hình hiện trạng.

+ Kết cấu tuyến thoát: Bao gồm rãnh hở, cống hộp, cống bê tông tròn và kè trục tiêu chính.

- Thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư xã sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung đổ ra điểm tập kết nước thải.

+ Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

+ Trong phương án, sẽ quy hoạch rãnh thoát nước thải chung với rãnh thoát nước mưa.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

+ Các điểm dân cư nông thôn có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung để phù hợp với điều kiện kinh tế, địa hình tự nhiên vùng núi. Hệ thống thoát nước mưa chỉ nên được xây dựng trong các điểm dân cư có quy mô từ 30 hộ trở lên.

+ Áp dụng hệ thống thoát nước tự chảy, sử dụng hệ thống cống chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt.

+ Riêng đối với khu vực trung tâm xã nên chọn hệ thống thoát kín.

* Quy hoạch chất thải rắn:

- Điểm tập kết rác thải: quy hoạch xây dựng 5 điểm tập kết rác thải với tổng diện tích 1,70ha. Cụ thể:

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Điểm tập kết rác thải (Đờ Chú Cùa)	Bản Mồ Dề	0,50
2	Điểm tập kết rác thải (Trống Dí Nà Tê)	Bản Háng Phù Loa	0,40
3	Điểm tập kết rác thải (Háng Dê)	Bản Sáng Nhù	0,20
4	Điểm tập kết rác thải (Xáy Dờ Cang Vàng)	Bản Màng Mủ + Háng Sung	0,10
5	Điểm tập kết rác thải (Cầu Pông Chùa)	Bản Nả Háng	0,50
Tổng			1,70

Các điểm tập kết rác thải được xây dựng đảm bảo theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường và rác thải sau khi được thu gom hàng ngày tại các bản sẽ được tập kết về điểm tập kết rác thải của xã và theo định kỳ chuyển đến lò đốt rác thải và bãi tập kết rác thải của huyện tại xã Khao Mang.

* Nghĩa trang: Giữ nguyên diện tích và vị trí các nghĩa trang hiện tại. Đồng thời mở mới nghĩa trang tại các bản như sau:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Nghĩa trang nhân dân Háng Dề Chù	Bản Mồ Dề	1,50
2	Đất nghĩa trang nhân dân Nả Trống	Bản Mý Háng+ Nả Háng	7,21
3	Đất nghĩa trang nhân dân Tà Khua Sang	Bản Sáng Nhù	1,50
4	Đất nghĩa trang nhân dân Trống Háng Năng	Bản Màng Mủ	1,50
5	Nghĩa trang nhân dân Chờ Lầu Trống Tê	Bản Háng Phù Loa	3,00
6	Nghĩa trang nhân dân Đờ Dê Đơ	Bản Háng Sung	1,00

7. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
I	QUY HOẠCH HẠ TẦNG XÃ HỘI					
1	Trụ sở công an xã	Bản Nả Háng	0,03		0,03	2022-2025
2	Doanh trại của công an xã	Bản Nả Háng	0,04		0,04	2022-2025
4	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã	Bản Nả Háng	0,07		0,07	2022-2025

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
5	PTDTBT THCS Mồ Dề	Bản Nả Háng	2,71		2,71	2026-2030
6	Trường Mầm non Mồ Dề (điểm chính bản Nả Háng)	Bản Nả Háng	1,00		1,00	2026-2030
7	Mở rộng Trường mầm non (điểm lẻ bản Sáng Nhù)	Bản Sáng Nhù	0,07	0,04	0,03	2022-2025
8	Nhà văn hóa xã Mồ Dề	Bản Nả Háng	0,09		0,09	2022-2025
9	Mở rộng nhà văn hóa bản Nả Háng	Bản Nả Háng	0,08	0,03	0,05	2022-2025
10	Nhà văn hóa bản Màng Mủ	Bản Màng Mủ	0,05		0,05	2022-2025
11	Nhà văn hóa bản Sáng Nhù	Bản Háng Nhù	0,05		0,05	2022-2025
13	Nhà văn hóa bản Mồ Dề	Bản Mồ Dề	0,05		0,05	2022-2025
14	Nhà văn hóa bản Mỹ Háng	Bản Mỹ Háng	0,05		0,05	2022-2025
15	Nhà văn hóa bản Cung 11	Bản Cung 11	0,05	0,05		2022-2025
16	Nhà văn hóa bản Háng Phù Loa	Bản Háng Phù Loa	0,05		0,05	2022-2025
17	Khu thể thao bản Mỹ Háng + bản Nả Háng	Bản Nả Háng	0,10		0,10	2022-2025
18	Khu thể thao bản Mồ Dề	Bản Mồ Dề	0,10		0,10	2022-2025
19	Khu thể thao bản Cung 11	Bản Cung 11	0,10		0,10	2022-2025
20	Khu thể thao bản Háng Phù Loa	Bản Háng Phù Loa	0,10		0,10	2022-2025
21	Khu thể thao bản Màng Mủ	Bản Màng Mủ	0,10		0,10	2022-2025
22	Khu thể thao bản Háng Sung	Bản Háng Sung	0,10		0,10	2022-2025
23	Khu thể thao bản Sáng Nhù	Bản Sáng Nhù	0,10		0,10	2022-2025
II QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT						
2.1	Đất giao thông					
2.1.1	Đường quốc lộ					
-	Quốc lộ 32		3,9 km		3,9 km	2026-2030
-	Khắc phục điểm đen giao thông Km299		0,150 km		0,150 km	2022-2025
2.1.2	Đường huyện					

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
-	QL 32 - Mồ Dề		3,2km		3,2km	2026-2030
2.1.3	Đường xã		19,6 km		19,6 km	
-	Đường từ Chế Cu Nha đi Khao Mang qua địa bàn xã		19,6 km		19,6 km	2023-2030
+	Đường bản Màng Mủ đi đường nối Ic 15		2 km		2 km	2026-2030
+	Đường Nà Háng - Mý Háng - Sáng Nhù - Màng Mủ		8 km		8 km	2026-2030
+	Đường UBND xã - Háng Phù Loạ- Háng Cháng Lừ xã Khao Mang		9,6 km		6,6 km	2026-2030
2.1.4	Đường bản		11,4 km		11,4 km	
-	Đường QL 32 - Sáng Nhù		4 km		4 km	2022-2025
-	Đường QL 32 - Háng Sung		2,4 km		2,4 km	2026-2030
-	Đường QL 32 - Màng Mủ AB		3 km		3 km	2022-2025
-	Đường từ QL32 đi Háng Phù Loạ		4 km		4 km	2026-2030
2.1.5	Đường ngõ xóm (6 tuyến)		13,8 km		13,8 km	
-	Đường Trông Hấu Tò đi Trống Mang, bản Sáng Nhù	Bản Sáng Nhù	2 km		2 km	2026-2030
-	Đường bản Mồ Dề - Háng Đê Chù		1,3 km		1,3 km	2026-2030
-	Đường bản Mồ Dề từ Háng Đê Chù - Đờ Kháo Chù		1 km		1 km	2026-2030
-	Đường bản Nà Háng- Sông Đình Chế Là		2,5 km		2,5 km	2026-2030
-	Đường từ bản Mồ Dề đi QL 32		3 km		3 km	2026-2030
-	Đường nhà ông Cháng Mùa - Nhà ông Sông Củ Mý Háng		3 km		3 km	2026-2030
2.1.7	Cầu					
-	Cầu cứng bản Nà Háng, xã Mồ Dề	Bản Nà Háng	0,45		0,45	2026-2030
-	Cầu cứng bản Mý Háng đi bản Sáng Nhù, xã Mồ Dề	Bản Mý Háng	0,45		0,45	2026-2030
2.1.8	Quy hoạch bãi đỗ xe	Bản Háng Sung	0,50		0,50	2026-2030
2.2	Đất năng lượng					

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
1	Xây dựng trạm biến áp (bản Sáng Nhù)	Bản Sáng Nhù	0,01		0,01	2023-2030
2	Xây dựng trạm biến áp (bản Háng Phù Loa)	Bản Háng Phù Loa	0,01		0,01	2023-2030
3	Xây dựng trạm biến áp (bản Háng Sung)	Bản Háng Sung	0,01		0,01	2023-2030
4	Đường điện đến bản Háng Phù Loa 2 km	Bản Háng Phù Loa	0,06		0,06	2023-2030
5	Đường điện đến bản Sáng Nhù 2 km	Bản Sáng Nhù	0,07		0,07	2023-2030
6	Đường điện đến bản Háng Sung 1,7 km	Bản Háng Sung	0,05		0,05	2023-2030
8	Đất công trình Trạm biến áp: TBA phân phối	Toàn xã	0,06		0,06	2023-2030
9	Đất công trình đường dây tải điện: Đường dây Trung áp - đường trục	Toàn xã	0,02		0,02	2023-2030
10	Đất công trình đường dây tải điện: Đường dây Trung áp - đường nhánh	Toàn xã	0,06		0,06	2023-2030
11	Phân phối hiệu quả - DEP giai đoạn 1 tỉnh Yên Bái	Toàn xã	0,01		0,01	2023-2030
12	Xây dựng và cải tạo tuyến lưới điện trung, hạ áp tỉnh Yên Bái	Toàn xã	0,01		0,01	2023-2030
13	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014-2025	Toàn xã	0,35		0,35	2023-2030
2.3	Đất thủy lợi					
1	Mở mới thủy lợi Đờ Đàn làng	Bản Nả Háng+ Mỹ Háng	0,80		0,80	2023-2030
2	Mở mới thủy lợi Móng Ngựa 2	Bản Mỹ Háng+ Sáng Nhù	0,50		0,50	2023-2025
2.4	Đất nghĩa trang					
1	Nghĩa trang nhân dân Háng Đề Chù	Bản Mỏ Đề	1,50		1,50	2023-2030
2	Đất nghĩa trang nhân dân Nả Trống	Bản Mỹ Háng+ Nả	7,21		7,21	2023-2030

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
		Háng				
3	Đất nghĩa trang nhân dân Tà Khua Sang	Bản Sáng Nhù	1,50		1,50	2023-2030
4	Đất nghĩa trang nhân dân Trống Háng Nắng	Bản Màng Mủ	1,50		1,50	2023-2030
5	Nghĩa trang nhân dân Chờ Lầu Trống Tê	Bản Háng Phù Loa	3,00		3,00	2023-2030
6	Nghĩa trang nhân dân bản Háng Sung	Bản Háng Sung	1,00		1,00	2023-2030
2.5	Đất bãi thải, xử lý chất thải					
1	Điểm tập kết rác thải (Đờ Chú Cùa)	Bản Mồ Dề	0,50		0,50	2026-2030
2	Điểm tập kết rác thải (Trống Dí Nả Tê)	Bản Háng Phù Loa	0,40		0,40	2026-2030
3	Điểm tập kết rác thải (Háng Dê)	Bản Sáng Nhù	0,20		0,20	2026-2030
4	Điểm tập kết rác thải (Xáy Dờ Cang Vàng)	Bản Màng Mủ+ Háng Sung	0,10		0,10	2026-2030
5	Điểm tập kết rác thải (Cầu Pông Chùa)	Bản Nả Háng	0,50		0,50	2026-2030
III	QUY HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN Ở					
1	Đất ở nông thôn Đờ Lồng Có, bản Mồ Dề	Bản Mồ Dề	8,40		8,40	2022-2030
2	Đất ở nông thôn Pù Zâu Mé Ché	Bản Háng Phù Loa	3,40		3,40	2022-2030
3	Đất ở nông thôn Su Tua Nhù	Bản Háng Phù Loa	1,20		1,20	2022-2030
4	Đất ở nông thôn Trống Dờ Rùa	Bản Nả Háng	2,00		2,00	2022-2030
5	Đất ở nông thôn Pàng Tủa Cua Ché	Bản Mỹ Háng	1,00		1,00	2022-2030
6	Đất ở nông thôn Trống Chờ Vàng	Bản Sáng Nhù	1,60		1,60	2022-2030
7	Đất ở nông thôn Trống Mang	Bản Sáng Nhù	3,30		3,30	2022-2030
8	Đất ở nông thôn Pàng Hớ Pù Xà Dang	Bản Sáng Nhù	6,00		6,00	2022-2030
9	Đất ở nông thôn Chờ Giàng	Bản Màng	5,00		5,00	2022-2030

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
	Háng Tê	Mù				
10	Đất ở nông thôn Trống Pàng Hớ	Bản Nả Háng	10,00		10,00	2022-2030
11	Đất ở nông thôn Đờ Đúa Ninh	Bản Nả Háng	2,00		2,00	2022-2030
12	Đất ở nông thôn khu Hạt Bảy	Bản Háng Sung	2,00		2,00	2022-2030
13	Đất ở nông thôn khu Váng Nhà Trống Là	Bản Háng Sung	1,00		1,00	2022-2030
14	Đất ở nông thôn bản Cung 11	Bản Cung 11	3,00		3,00	2022-2030
15	Khu đất ở mới	Bản Sáng Nhù	2,80		2,80	2022-2030
16	Chuyển mục đích trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn		1,50		1,50	2022-2030
IV	ĐẤT XÂY DỰNG CHỨC NĂNG KHÁC					
1	Khu du lịch sinh thái suối Nậm Kim	Bản Cung 11	9,79		9,79	2022-2030
2	Khu tham quan du lịch gắn với bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn huyện Mù Cang Chải, tại thác Mơ	Bản Nả Háng	1,00		1,00	2022-2030
3	Đất dịch vụ du lịch, điểm trực cháy	Bản Sáng Nhù, Màng Mù	0,70		0,70	2022-2030
4	Đất dịch vụ du lịch Nữ Lâu Trống Là	Bản Màng Mù	0,20		0,20	2022-2030
5	Đất dịch vụ du lịch Trống Nhà Súa Là	Bản Màng Mù	1,20		1,20	2022-2030
6	Du lịch Thác Pàng Giàng	Bản Nả Háng	0,50		0,50	2022-2030
7	Du lịch Thác Pàng Sớ Đình	Bản Nả Háng	0,50		0,50	2022-2030
8	Du lịch Thác Súa Sa Là	Bản Nả Háng	0,50		0,50	2022-2030
9	Đất dịch vụ du lịch khu trồng Bla Sờ Cầu Chế	Bản Háng Sung	3,00		3,00	2022-2030
10	Đất thương mại dịch vụ khu hạt 7	Bản Háng Sung	1,00		1,00	2022-2030
11	Đất dịch vụ du lịch	Bản Nả Háng	11,68		11,68	2022-2030
12	Khu du lịch đôi Móng Ngựa	Bản Sáng Nhù	0,72		0,72	2022-2030
13	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	Bản Sáng Nhù	5,50		5,50	2022-2030

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)	Giai đoạn thực hiện
14	Khu lưu trú khách sạn TT Mù Cang Chải	Bản Cung 11	2,70		2,70	2022-2030
V	ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN					
1	Mỏ đất đắp	Bản Cung 11	1,00		1,00	2022-2030
VI	QUY HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP					
5.1	Đất trồng cây lâu năm					
1	Quy hoạch trồng cây dược liệu	Toàn xã	329,7		329,7	2022-2030
5.2	Đất nuôi trồng thủy sản					
1	Đất ao	Toàn xã	0,30		0,30	2022-2030
2	Dự án nuôi cá sạch	Bản Háng Phù Loa	0,30		0,30	2022-2030

8. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn:

STT	Tên công trình	Tình trạng xây dựng	Khối lượng	Đơn vị tính	Xuất đầu tư (Triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
1	Trụ sở công an xã	Xây mới	1	Công trình	3.000	3.000
2	Doanh trại công an xã	Xây mới	1	Công trình	2.000	2.000
3	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã	Xây mới	1	Công trình	3.000	3.000
4	PTDTBT THCS Mồ Dề	Xây mới	1	Công trình	45.000	45.000
5	Trường Mầm non Mồ Dề (điểm chính bản Nả Háng)	Xây mới	1	Công trình	30.000	30.000
6	Mở rộng Trường mầm non (điểm lẻ bản Sáng Nhù)	Xây mới	1	Công trình	4.000	4.000
7	Nhà văn hóa bản	Xây mới	7	Công trình	1.500	10.500
8	Nhà văn hóa xã Kim Nội	Xây mới	1	Công trình	3.500	3.500
9	Khu thể thao xã	Xây mới	1	Công trình	2.500	2.500
10	Khu thể thao bản	Xây mới	6	Công trình	1.500	9.000
11	Bãi đỗ xe	Xây mới	1	Công trình	2.000	2.000
12	Nâng cấp, mở rộng đường xã	Nâng cấp	19,6	Km	8000	156.800
13	Nâng cấp, mở rộng đường bản	Nâng cấp	11,4	Km	3000	34.200
14	Nâng cấp, mở rộng đường ngõ xóm	Nâng cấp	13,8	Km	2500	34.500
15	Xây mới cầu	Xây mới	2	Công trình	3000	6.000

STT	Tên công trình	Tình trạng xây dựng	Khối lượng	Đơn vị tính	Xuất đầu tư (Triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
16	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh mương	Cải tạo	52,12	Km	600	31.272
17	Hệ thống đường dây tải điện	Cải tạo	5,7	Km	800	4.560
18	Nâng cấp trạm biến áp	Cải tạo	5	Công trình	1.000	5.000
29	Xây mới trạm biến áp	Xây mới	3	Công trình	2.000	6.000
20	Đất nghĩa trang	Xây mới	6	Công trình	400	2.400
21	Đất bãi thải, xử lý chất thải	Xây mới	5	Công trình	400	2.000
Tổng						397.232

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định này và là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý và giám sát việc đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

10. Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 05 bộ, được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải, Ủy ban nhân dân xã Mồ Dề và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Mồ Dề, phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mồ Dề để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, theo đồ án quy hoạch chung đã phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai, và quản lý trật tự xây dựng theo quy định.

- Xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, chương trình phát triển nông thôn, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, phát triển nông

thôn theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Dè và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. UBND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trọng Khang

